

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2025/DS-ST**

Ngày: **17/7/2025**

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 865/2022/TLST-DS, ngày 06/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1836/2025/QĐST-DS, ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Q (V1)**

- Địa chỉ: Tầng A (Tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S; số A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng bán lẻ miền N.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Trần Hoàng M – Cán bộ Ngân hàng

2. Bà Hồ Thị N – Cán bộ Ngân hàng

3. Bà Nguyễn Kim N1 – Cán bộ Ngân hàng

4. Nông Văn T- Cán bộ N1 hang.

Cùng địa chỉ: A N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền số 185399.25 ngày 01/07/2025).

* Bị đơn: Bà **Lê Huỳnh T1**, sinh năm 1993.

- Địa chỉ: 5, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L- Đồng Nai).

(Bà N1 có mặt, bà T1 vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N1 trình bày:

Bà Lê Huỳnh T1 có thỏa thuận ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8338185.21 ngày 28/01/2021 để vay số tiền 3.100.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bù đắp tiền mua bất động sản tại thửa đất số: 816, tờ bản đồ số: 41, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn vay: 240 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 03/02/2041; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9.3%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Hoàn trả khoản vay gốc và lãi hàng tháng số tiền là 8.460.000 đồng vào ngày 30, ngày trả nợ đầu tiên là 28/02/2021; Trả phí: theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q từng thời kỳ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã giải ngân cho bà T1 số tiền trên đúng như thỏa thuận.

- Đơn đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/02/2021, Số thẻ: 5138920000606452; Loại thẻ tín dụng MC CASHBACK; Ngày cấp: 22/02/2021; Hạn mức thẻ: 90.000.000 VND; Hiệu lực thẻ: 28/02/2026; Lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện MC CASHBACK từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Huỳnh T1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tổng cộng là 3.269.598.179 đồng (trong đó: nợ gốc 3.100.000.000 đồng, nợ lãi 169.598.179 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Huỳnh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 05/02/2021 đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, khoản vay trên quá hạn thanh toán từ ngày 30/06/2021 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N2. Mặc dù, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện bà T1 trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, nhưng bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Do bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu bà T1 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 12/6/2025 tổng số tiền là: 253,829,191 đồng.

Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 8338185.21 tổng số tiền là 75.036.483 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 13.195.337 đồng; nợ lãi quá hạn là 61.786.300 đồng);

Thẻ tín dụng số 5138920000606452 tổng số tiền là 178.847.554 đồng (trong đó: nợ gốc là 89.997.000 đồng; nợ lãi quá hạn 35.589.757 đồng; Phí 53.260.797 đồng) và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

Mặc dù, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nhiều lần nhắc nhở, đơn đốc bà T1 trả nợ nhưng bà T1 vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Ngân hàng yêu cầu bà T1 phải trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 256,900,207 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng.

Trường hợp sau ngày 17/7/2025 bà T1 không thanh toán đủ tiền gốc, lãi trên thì bà T1 tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ ngày 18/7/2025 cho đến khi bà T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Đối với bà T1 đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T1 vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Buộc bà Lê Huỳnh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tổng số tiền 256,900,207 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bà Lê Huỳnh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương

mại Cổ phần Q tổng số tiền 256,900,207 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q là nguyên đơn, bà Lê huỳnh T1 là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Huỳnh T1 hiện đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

Bị đơn bà Lê Huỳnh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[4] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu bà Lê Huỳnh T1 trả tổng số tiền của hợp đồng tín dụng đã ký kết tổng số tiền 256,900,207 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện và đã xuất trình đầy đủ chứng cứ như hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 8338185.21 ngày 28/01/2021; Đơn đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/02/2021, Số thẻ: 5138920000606452; Loại thẻ tín dụng MC CASHBACK; Ngày cấp: 22/02/2021; Hạn mức thẻ: 90.000.000 VND; Hiệu lực thẻ: 28/02/2026; Lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện MC CASHBACK từng thời kỳ.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q là có căn cứ nên được chấp nhận, vì các chứng cứ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cung cấp là hợp lệ và thể hiện bà T1 vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó, buộc bà Lê Huỳnh T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tổng số tiền 256.900.207 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng.

Chi phí tố tụng: Bà Lê Huỳnh T1 phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nộp tạm ứng trước số tiền

11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng) này. Vì vậy, bà Lê Huỳnh T1 có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

[6] Về án phí: Bà Lê Huỳnh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.845.010 đồng (Mười hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm mười đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.255.500 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, 269 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với bà Lê Huỳnh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Huỳnh T1 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền là **256.900.207** đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Dư nợ theo HĐTD 8338185.21 ngày 28/01/2021 là 78.052.653 đồng (gồm: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 13.195.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.857.316 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 178.847.554 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Chi phí tố tụng: Bà Lê Huỳnh T1 phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nộp tạm ứng trước số tiền 11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi

sáu đồng) này. Vì vậy, bà Lê Huỳnh T1 có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 11.353.236 đồng (Mười một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

[6] Về án phí: Bà Lê Huỳnh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.845.010 đồng (Mười hai triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm mười đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.255.500 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 1- Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)**

Phạm Thị B

